SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BÌNH PHƯỚC

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi gồm 06 trang)

KÌ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT LẦN 1 NĂM 2024
Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI
Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi 132

Họ, tên thí sinh:.....Số báo danh:……..

Trong mỗi câu dưới đây, hãy chọn đáp án đúng nhất:

Câu 41: Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng

A. tăng tỉ trọng sản phẩm chất lượng thấp. **B.** đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp.

C. phát triển đồng đều các ngành. **D.** giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.

Câu 42: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết khai thác apatit có ở tỉnh nào sau đây của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Điện Biên. **B.** Yên Bái. **C.** Lào Cai. **D.** Hà Giang.

Câu 43: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết đỉnh núi nào sau đây nằm trên cánh cung Đông Triều?

A. Phu Luông. **B.** Mẫu Sơn. **C.** Yên Tử. **D.** Phia Uắc.

Câu 44: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào có quy mô lớn nhất trong các trung tâm công nghiệp sau đây?

A. Sóc Trăng. **B.** Long Xuyên. **C.** Rạch Giá. **D.** Cần Thơ.

Câu 45: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết kênh Phụng Hiệp nối Cà Mau với địa điểm nào sau đây?

A. U Minh. **B.** Năm Căn. **C.** Vị Thanh. **D.** Ngã Bảy.

Câu 46: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 9 đi qua cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

A. Cha Lo. **B.** Lao Bảo. **C.** Nậm Cắn. **D.** Cầu Treo.

Câu 47: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết Di sản văn hóa thế giới có ở trung tâm du lịch nào sau đây?

A. Nha Trang. **B.** Hải Phòng. **C.** Huế. **D.** Đà Lạt.

Câu 48: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều dừa trong các tỉnh sau đây?

A. Quảng Nam. **B.** Khánh Hoà. **C.** Phú Yên. **D.** Bình Định.

Câu 49: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết hồ Kẻ Gỗ thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Quảng Trị. **B.** Nghệ An. **C.** Hà Tĩnh. **D.** Thanh Hóa.

Câu 50: Hoạt động đánh bắt thủy sản ở Đông Nam Bộ

A. có nhiều sản phẩm khác nhau.
B. chỉ phát triển mạnh ở sông, suối.
C. chỉ tập trung ở vùng biển xa bờ.
D. hoàn toàn phục vụ xuất khẩu.

Câu 51: Đất nông nghiệp ở đồng bằng của nước ta

A. chủ yếu trồng cây công nghiệp lâu năm.
B. khả năng mở rộng diện tích còn rất lớn.
C. bị suy thoái ở nhiều nơi.
D. đều là đất phù sa được bồi đắp hàng năm.

Câu 52: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng I, trạm khí tượng nào có nhiệt độ thấp nhất trong các trạm sau đây?

A. Hà Nội. **B.** Đà Nẵng. **C.** Đồng Hới. **D.** Nha Trang.

Câu 53: Cho biểu đồ:

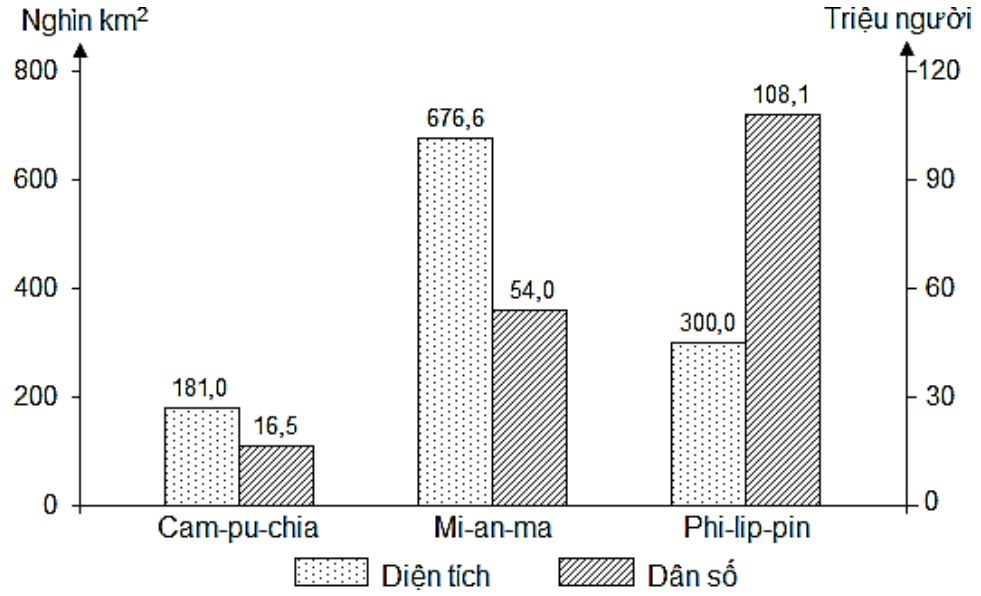

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ NĂM 2019 CỦA MỘT SỐ NƯỚC
(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2019 của một số nước?

A. Phi-lip-pin lớn hơn Cam-pu-chia.
B. Mi-an-ma lớn hơn Phi-lip-pin.
C. Phi-lip-pin gấp đôi Mi-an-ma.
D. Cam-pu-chia nhỏ hơn Mi-an-ma.

Câu 54: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết cảng Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Phú Yên. **B.** Khánh Hòa. **C.** Ninh Thuận. **D.** Bình Định.

Câu 55: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy nhiệt điện nào có công suất nhỏ nhất trong các nhà máy sau đây?

A. Trà Nóc. **B.** Cà Mau. **C.** Phú Mỹ. **D.** Phả Lại.

Câu 56: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

A. Thanh Hoá. **B.** Quy Nhơn. **C.** Nha Trang. **D.** Đà Nẵng.

Câu 57: Hậu quả của hạn hán đối với miền núi nước ta là

A. gia tăng rửa trôi, sạt lở đất.
B. ngập úng trên diện rộng.
C. mở rộng diện tích đất nhiễm mặn.
D. làm tăng nguy cơ cháy rừng.

Câu 58: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hệ thống sông nào sau đây **không** trực tiếp đổ ra Biển Đông?

A. Sông Kì Cùng - Bằng Giang.
B. Sông Thu Bồn.
C. Sông Hồng.
D. Sông Đồng Nai.

Câu 59: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc tỉnh Bình Định?

A. Vân Phong. **B.** Chu Lai. **C.** Nhơn Hội. **D.** Dung Quất.

Câu 60: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây vừa giáp Lào vừa giáp biển?

A. Khánh Hoà. **B.** Quảng Nam. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Kon Tum.

Câu 61: Vị trí địa lí nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến nên nước ta có

A. Tín phong hoạt động thường xuyên.
B. chế độ nước sông thay đổi theo mùa.
C. mùa mưa và khô tương phản sâu sắc.
D. biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

Câu 62: Các huyện đảo của nước ta

A. đều phát triển mạnh công nghiệp.
B. có tiềm năng nuôi trồng thuỷ sản.
C. có ở tất cả các tỉnh giáp biển.
D. đều có dân cư tập trung đông đúc.

Câu 63: Lao động ở thành thị nước ta hiện nay

A. có số lượng đông hơn ở nông thôn.
B. chỉ hoạt động trong công nghiệp.
C. chất lượng ngày càng được nâng lên.
D. chủ yếu hoạt động trong nông nghiệp.

Câu 64: Cây công nghiệp lâu năm của nước ta hiện nay

A. có diện tích nhỏ và ngày càng giảm.
B. có thị trường tiêu thụ lớn và rất ổn định.
C. chủ yếu là cây có nguồn gốc cận nhiệt.
D. tập trung chủ yếu ở khu vực đồi núi.

Câu 65: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VÀ GDP CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2021

Quốc gia	Thái Lan	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	In-đô-nê-xi-a
Dân số *(triệu người)*	66,7	32,8	110,2	275,1
GDP *(triệu USD)*	505 947	372 981	394 086	1 186 093

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, 2022, NXB Thống kê, 2022, 2023)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh GDP bình quân đầu người giữa các quốc gia năm 2021?

A. Phi-lip-pin cao hơn In-đô-nê-xi-a.
B. Ma-lai-xi-a cao hơn Phi-lip-pin.
C. In-đô-nê-xi-a cao hơn Thái Lan.
D. Thái Lan cao hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 66: Loại hình giao thông vận tải nào sau đây phát triển sẽ phát huy được tốt nhất thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong hội nhập quốc tế?

A. Đường hàng không và đường biển. **B.** Đường ô tô và đường hàng không.

C. Đường biển và đường sông. **D.** Đường ô tô và đường sắt.

Câu 67: Việc chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế ở nước ta hiện nay

A. làm tăng nhanh tỉ trọng các ngành trọng điểm.

B. đã hình thành các khu công nghiệp tập trung.

C. đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước.

D. làm tăng mạnh tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước.

Câu 68: Khó khăn nào sau đây là lớn nhất làm gián đoạn thời gian khai thác hải sản ở nước ta?

A. Nguồn lợi thuỷ sản bị suy giảm. **B.** Môi trường ven biển bị suy thoái.

C. Có nhiều bão và gió mùa Đông Bắc. **D.** Địa hình bờ biển rất phức tạp.

Câu 69: Cơ sở nhiên liệu chủ yếu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam nước ta là

A. than đá. **B.** sức gió. **C.** thác nước. **D.** dầu khí.

Câu 70: Các đô thị nước ta hiện nay

A. có tổng số dân lớn hơn ở nông thôn. **B.** là thị trường tiêu thụ hàng hoá lớn.

C. cơ sở hạ tầng rất hoàn thiện. **D.** phân bố khá đồng đều ở các vùng.

Câu 71: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

Năm	2010	2015	2018	2021
Dân số *(nghìn người)*	87 067,3	92 228,6	95 385,2	98 506,2
Sản lượng lương thực có hạt *(nghìn tấn)*	44 632,2	50 379,5	48 923,4	48 301,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô dân số và sản lượng lương thực có hạt của nước ta giai đoạn 2010 - 2021, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

A. Cột, đường, kết hợp cột và đường. **B.** Tròn, đường, kết hợp cột và đường.

C. Đường, tròn, cột. **D.** Miền, cột, đường.

Câu 72: Giải pháp chủ yếu để khai thác thế mạnh về đánh bắt thuỷ sản ở Bắc Trung Bộ là

A. thu hút đầu tư, cải tạo cảng cá, tập huấn kĩ thuật mới cho ngư dân.

B. đẩy mạnh khai thác ở ven bờ, mở rộng xuất khẩu, tăng chế biến.

C. hiện đại hoá tàu thuyền, đánh bắt xa bờ, nâng giá trị và hiệu quả.

D. bảo vệ các bãi cá đẻ, cấm khai thác ở khu bảo tồn, nâng cấp cảng.

Câu 73: Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay phát triển mạnh

A. trồng cây ăn quả, khai thác bôxit. **B.** chăn nuôi bò sữa, trồng cây điều.

C. thủy điện, chế biến các lâm sản. **D.** trồng lúa gạo, nuôi trồng thủy sản.

Câu 74: Thế mạnh chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

A. vị trí giáp biển, giao thông khá thuận lợi.

B. lao động có kĩ thuật đông, cơ sở hạ tầng khá tốt.

C. nông nghiệp phát triển, mật độ đô thị cao.

D. tài nguyên đa dạng, quy mô dân số lớn.

Câu 75: Giải pháp nào sau đây là chủ yếu nhằm hạn chế rủi ro trong sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên?

A. Mở rộng diện tích, phát triển công nghiệp chế biến, tìm kiếm thị trường mới.

B. Ổn định diện tích cây công nghiệp, tăng năng suất cây trồng, phát triển thủy lợi.

C. Đa dạng cơ cấu cây trồng, đẩy mạnh công nghiệp chế biến, ổn định thị trường.

D. Tập trung phát triển cây hàng năm, mở rộng diện tích cây cà phê, bảo vệ rừng.

Câu 76: Giải pháp quan trọng nhằm kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của khách du lịch ở nước ta là

A. tăng chất lượng sản phẩm du lịch, tăng cường cơ sở lưu trú.

B. hiện đại hóa các sân bay, nâng cao chất lượng lao động.

C. bảo vệ tài nguyên và môi trường, tăng cường quảng bá.

D. tăng cường các điểm du lịch, bảo vệ tài nguyên du lịch.

Câu 77: Cho biểu đồ về nước mắm và thủy sản đóng hộp của Việt Nam, giai đoạn 2010 - 2018:

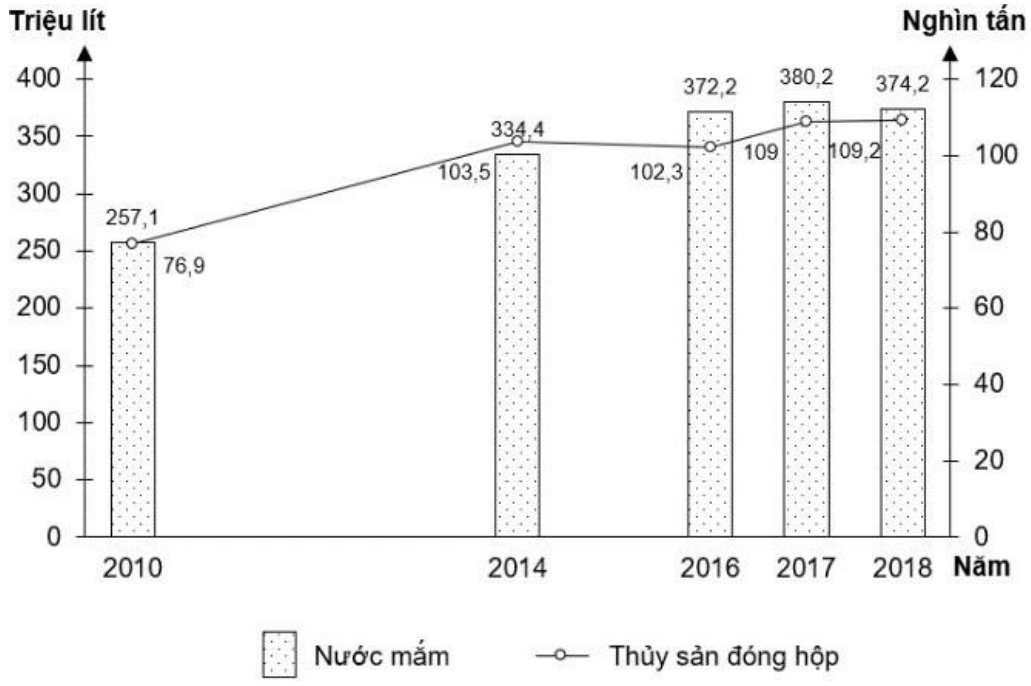

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Sản lượng nước mắm và thủy sản đóng hộp.

B. Cơ cấu sản lượng nước mắm và thủy sản đóng hộp.

C. Quy mô sản lượng nước mắm và cơ cấu thủy sản đóng hộp.

D. Sản lượng nước mắm và tốc độ tăng trưởng thủy sản đóng hộp.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển giao thông đường biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. khai thác hiệu quả tài nguyên, tạo nhiều việc làm.

B. tăng năng lực vận chuyển, phân bố lại lao động.

C. tăng cường giao lưu văn hoá, kinh tế với các nước.

D. phục vụ xuất khẩu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 79: Đất feralit ở đai nhiệt đới gió mùa chiếm diện tích lớn chủ yếu do tác động của

A. các hoạt động sản xuất, mưa mùa, nhiệt độ thay đổi theo độ cao.

B. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp, nhiệt ẩm cao, thảm thực vật đa dạng.

C. thời gian hình thành lâu dài, xác sinh vật nhiều, phong hóa mạnh.

D. phân mùa rõ rệt, các hệ sinh thái đa dạng, đá mẹ badan và đá vôi.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu để phát triển cây ăn quả ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. nâng cao chất lượng lao động, quy hoạch vùng chuyên canh.

B. thu hút vốn đầu tư, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ.

C. đẩy mạnh thâm canh, tăng cường liên doanh với nước ngoài.

D. phát triển công nghiệp chế biến, mở rộng thị trường tiêu thụ.

---------- **HẾT** ----------

(Thí sinh được phép sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành trong phòng thi)